

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0500313811 ngày 25 tháng 1 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 09 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 8 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8: 79.968.970.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại : 04 33 545 735

Fax : 04 33 542 280

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	KĐT Văn Quán, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bốn, Mù Căng Chải, Yên Bái
Chi nhánh Sông Đà 11.7	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; Quản lý vận hành kinh doanh bán điện;
- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp kết cấu công trình;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; Xây dựng các nhà máy thủy điện, sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, chiếu sáng, thông gió, điều hòa, thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 40).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 04 năm 2010	
Ông Nguyễn Đăng Bí	Ủy viên	31 tháng 08 năm 2004	
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	31 tháng 08 năm 2004	
Ông Đoàn Ngọc Ly	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2008	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Anh Vinh	Trưởng ban	06 tháng 08 năm 2009
Ông Ngô Văn Đễ	Thành viên	30 tháng 08 năm 2004
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	30 tháng 08 năm 2004

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 04 năm 2010	
Ông Nguyễn Đăng Bí	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2004	01 tháng 09 năm 2011
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 11 năm 2011	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 03 năm 2006	
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 08 năm 2010	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Số: 72/2012/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

**Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tư

Số chứng chỉ KTV: Đ.0059/KTV

Hoàng Thị Viêt

Số chứng chỉ KTV: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		370,303,172,715	354,922,936,753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21,847,814,712	18,774,639,772
1. Tiền	111		21,847,814,712	15,774,639,772
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228,648,243,308	242,471,083,036
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	193,073,324,186	184,269,356,351
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	25,545,569,224	57,612,650,916
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	10,619,019,201	1,059,851,174
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(589,669,303)	(470,775,405)
IV. Hàng tồn kho	140		107,034,708,627	82,059,052,011
1. Hàng tồn kho	141	V.6	107,034,708,627	82,059,052,011
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,772,406,068	11,618,161,934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	28,000,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		268,993,238	3,914,926,784
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	12,503,412,830	7,675,235,150

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208,886,217,645	216,769,800,512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126,775,239,988	139,447,306,148
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	116,389,303,563	103,900,564,123
<i>Nguyên giá</i>	222		161,175,239,799	140,862,263,633
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,785,936,236)	(36,961,699,510)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	547,665,697	720,612,733
<i>Nguyên giá</i>	228		1,729,470,426	1,729,470,426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,181,804,729)	(1,008,857,693)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	9,838,270,728	34,826,129,292
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		78,183,730,120	74,452,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	36,431,773,480	33,350,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	20,099,956,640	19,450,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	21,652,000,000	21,652,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,927,247,537	2,870,494,364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3,921,747,537	2,864,994,364
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	5,500,000	5,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		579,189,390,360	571,692,737,265

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		409,048,927,458	413,134,717,811
I. Nợ ngắn hạn	310		365,315,376,614	352,396,031,294
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	58,007,655,617	32,712,131,354
2. Phải trả người bán	312	V.17	163,799,930,103	143,261,241,284
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	60,065,743,430	125,243,598,693
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	10,764,298,488	2,798,733,590
5. Phải trả người lao động	315		19,568,666,138	17,330,356,479
6. Chi phí phải trả	316	V.20	19,531,428,031	5,862,786,125
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	32,388,002,144	23,818,560,849
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	1,189,652,663	1,368,622,920
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43,733,550,844	60,738,686,517
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	42,600,285,603	59,711,272,163
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	931,015,241	825,164,354
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	202,250,000	202,250,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170,140,462,902	158,558,019,454
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	170,140,462,902	158,558,019,454
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79,968,970,000	79,968,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30,746,580,408	30,746,580,408
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(128,058,585)	(128,058,585)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		38,437,015,825	32,213,253,801
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,831,578,038	2,941,472,470
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17,284,377,216	12,815,801,360
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		579,189,390,360	571,692,737,265

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

-

-

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8,092,639,768	8,092,639,768
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngr

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	535,924,565,990	490,336,165,220
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18,181,112	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		535,906,384,878	490,336,165,220
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	468,119,879,915	439,036,178,746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67,786,504,963	51,299,986,474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,477,959,225	9,369,952,563
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20,267,368,941	12,831,613,221
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,932,720,871	11,400,334,959
8. Chi phí bán hàng	24		-	3,450,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	33,297,450,851	28,593,392,155
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,699,644,396	19,241,483,661
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,473,818,268	5,153,002,258
12. Chi phí khác	32	VI.7	463,855,941	1,247,803,823
13. Lợi nhuận khác	40		1,009,962,327	3,905,198,435
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20,709,606,723	23,146,682,096
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3,441,979,507	5,344,570,736
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17,267,627,216</u>	<u>17,802,111,360</u>

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20,709,606,723	23,146,682,096
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,163,852,421	9,001,581,970
- Các khoản dự phòng	03		118,893,898	422,759,774
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,811,128,125)	(6,805,760,290)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17,932,720,871	11,400,334,959
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45,113,945,788	37,165,598,509
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14,861,701,696	(33,005,256,509)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24,975,656,616)	29,321,109,827
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1,967,885,596	(35,597,763,071)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,028,753,173)	(1,728,833,475)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17,932,720,871)	(11,400,334,959)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,502,773,921)	(6,689,846,332)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,069,075,825)	(1,932,365,049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14,434,552,674	(23,865,691,059)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12,532,299,754)	(29,540,553,545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		384,292,637	44,565,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	39,300,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,731,730,120)	(9,002,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,124,550,000	6,761,195,290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14,755,187,237)	7,563,206,745

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	21,977,560,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		94,232,433,494	54,153,106,769
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(86,047,895,791)	(89,215,183,302)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,790,728,200)	(4,994,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,393,809,503	(18,080,416,533)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3,073,174,940	(34,382,900,847)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18,774,639,772	53,157,540,619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21,847,814,712	18,774,639,772

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- 4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1.148 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.160 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Riêng thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng và thời gian khấu hao là 25 năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	358.042.196	763.114.901
Tiền gửi ngân hàng	21.489.772.516	15.011.524.871
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<i>Là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng</i>	-	<i>3.000.000.000</i>
Cộng	<u>21.847.814.712</u>	<u>18.774.639.772</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	180.688.872.876	172.097.127.072
Phải thu về cung cấp điện, nước	9.002.735.826	9.883.414.470
Phải thu tiền bán thành phẩm	3.381.715.484	2.288.814.809
Cộng	<u>193.073.324.186</u>	<u>184.269.356.351</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	21.633.660.840	54.118.641.139
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	3.376.659.484	3.494.009.777
Trả trước cho nhà cung cấp điện	10.000.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	525.248.900	-
Cộng	<u>25.545.569.224</u>	<u>57.612.650.916</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của CBCNV	799.384.844	427.558.611
Phải thu các đội công trình	3.637.334.430	2.000.000
Tiền cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	2.340.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền điện BĐH DA thủy điện Hòa Na thu hộ	2.491.848.729	-
Tiền đền bù phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long cho Công trình Buôn Kuốp - Đăknông	333.165.350	-
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	-
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc	208.094.908	-
Các khoản phải thu khác	650.687.276	630.292.563
Cộng	<u>10.619.019.201</u>	<u>1.059.851.174</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(589.669.303)	(470.775.405)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	-	-
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(88.217.147)	(83.408.128)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(104.171.379)	(23.131.500)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	(397.280.777)	(364.235.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>(589.669.303)</u>	<u>(470.775.405)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	470.775.405	48.015.631
Trích lập dự phòng bổ sung	127.893.898	470.775.405
Hoàn nhập dự phòng	(9.000.000)	-
Giảm khác	-	(48.015.631)
Số cuối năm	<u>589.669.303</u>	<u>470.775.405</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	313.166.830	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.424.218.298	10.173.186.721
Công cụ, dụng cụ	212.480.712	273.498.487
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.048.534.439	70.576.058.455
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
Cộng	<u>107.034.708.627</u>	<u>82.059.052.011</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	12.452.412.830	7.624.235.150
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	<u>12.503.412.830</u>	<u>7.675.235.150</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	52.680.006.376	63.986.414.865	22.598.931.155	1.596.911.237	140.862.263.633
Tăng trong năm	22.193.832.065	145.000.000	-	178.527.272	22.517.359.337
<i>Mua sắm mới</i>	<i>18.876.378.221</i>	<i>145.000.000</i>	-	<i>178.527.272</i>	19.199.905.493
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>3.317.453.844</i>	-	-	-	<i>3.317.453.844</i>
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	1.650.846.772	-	553.536.399	2.204.383.171
Số cuối năm	<u>74.873.838.441</u>	<u>62.480.568.093</u>	<u>22.598.931.155</u>	<u>1.221.902.110</u>	<u>161.175.239.799</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.700.299.083	16.012.761.155	9.834.818.103	1.413.821.169	36.961.699.510
Tăng trong năm do trích khấu hao	3.346.506.358	3.840.162.530	2.673.228.745	131.007.751	9.990.905.385
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	1.591.132.260	-	575.536.399	2.166.668.659
Số cuối năm	<u>13.046.805.441</u>	<u>18.261.791.425</u>	<u>12.508.046.848</u>	<u>969.292.521</u>	<u>44.785.936.236</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.979.707.293	47.973.653.710	12.764.113.052	183.090.068	103.900.564.123
Số cuối năm	<u>61.827.033.000</u>	<u>44.218.776.668</u>	<u>10.090.884.307</u>	<u>252.609.589</u>	<u>116.389.303.563</u>

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Trắng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 64.181.344.688 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Giá trị lợi thế	Giá trị	
	kinh doanh	thương hiệu	Cộng
		Sông Đà	
Nguyên giá			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	425.524.358	583.333.335	1.008.857.693
Khấu hao trong năm	72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	498.471.398	683.333.331	1.181.804.729
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	303.946.068	416.666.665	720.612.733
Số cuối năm	230.999.028	316.666.669	547.665.697

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát	Kết chuyển	Kết chuyển	Số cuối năm
		sinh trong năm	vào TSCĐ trong năm	giảm khác (*)	
Mua sắm TSCĐ	28.958.738.784	6.842.200.417	19.017.678.220	15.002.798.981	1.780.462.000
Trụ sở Công ty	28.958.738.784	4.920.438.418	18.876.378.221	15.002.798.981	-
TSCĐ khác	-	1.921.761.999	141.299.999	-	1.780.462.000
XDCB dở dang	5.867.390.508	5.268.241.334	3.317.453.844	-	7.818.177.998
Dự án khai thác và SX đá XD	1.956.687.576	2.382.751.818	-	-	4.339.439.394
Văn phòng làm việc	1.849.700.208	1.467.753.636	3.317.453.844	-	-
Dự án khu dân cư Hòa Bình	187.456.459	1.086.813.154	-	-	1.274.269.613
Khu ĐT Nhơn Trạch – Đồng Nai	1.873.546.265	330.922.726	-	-	2.204.468.991
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	239.630.730	-	-	239.630.730
Cộng	34.826.129.292	12.350.072.481	22.335.132.064	15.002.798.981	9.838.270.728

(*) Kết chuyển giảm khác là kết chuyển vào giá vốn tương ứng với diện tích chuyển nhượng lại một phần tầng 7 được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Smatec, Công ty TNHH Kiến trúc Công trình và Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Việt Hưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long ^(a)	1.800.000	18.581.773.480	1.550.000	15.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 ^(b)	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
Cộng		36.431.773.480		33.350.000.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500589591 ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long 15.500.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đầu tư thêm 250.000 cổ phiếu với giá mua là 3.081.773.480 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.550.000 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ).

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600974553 ngày 29 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ^(a)	632.500	5.649.956.640	500.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng ^(b)	600.000	7.250.000.000	600.000	7.250.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà ^(c)	720.000	7.200.000.000	720.000	7.200.000.000
Cộng		20.099.956.640		19.450.000.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 639.956.640 VND và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 632.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ (Số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 33,12% vốn điều lệ).

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 06 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

phần Thủy điện To Buông 15.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 600.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (số đầu năm là 600.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 9.000.000.000 VND.

- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		21.652.000.000		11.652.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà ⁽ⁱ⁾	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	10.000.000.000	-	-
Trái phiếu (kỳ hạn 36 tháng)	-	-		10.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	-		10.000.000.000
Cộng		21.652.000.000		21.652.000.000

- (i) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ.
- (ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.
- (iii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà. Trong đó, tiền mua cổ phần là 2.000.000.000 VND, phí ủy thác là 200.000.000 VND.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.225.448.910	2.655.697.319	2.324.458.856	1.556.687.373
Chi phí bóc phủ	1.639.545.454	-	327.909.091	1.311.636.363
Chi phí mở rộng, cải tạo lòng hồ	-	1.316.779.752	263.355.951	1.053.423.801
Cộng	2.864.994.364	3.972.477.071	2.915.723.898	3.921.747.537

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.591.296.360	13.589.939.554
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	29.705.636.242	13.589.939.554
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	14.885.660.118	-
Vay dài hạn đến hạn trả	13.416.359.257	19.122.191.800
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	8.830.000.000	9.406.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.289.700.000	2.992.191.800
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	2.792.159.257	3.449.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	504.500.000	3.275.000.000
Cộng	58.007.655.617	32.712.131.354

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	13.589.939.554	19.122.191.800	32.712.131.354
Số tiền vay phát sinh	94.898.823.494	-	94.898.823.494
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	12.144.859.257	12.144.859.257
Số tiền vay đã trả	(63.897.466.688)	(17.346.191.800)	(81.243.658.488)
Số cuối năm	44.591.296.360	13.920.859.257	58.512.155.617

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	44.883.474.541	24.957.828.715
Phải trả nhà cung cấp điện	359.241.296	-
Phải trả nhà thầu xây lắp	114.959.290.621	110.368.929.272
Phải trả nhà cung cấp khác	3.597.923.645	7.934.483.297
Cộng	163.799.930.103	143.261.241.284

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	59.974.320.576	123.330.125.273
Các khoản ứng trước khác	91.422.854	1.913.473.420
Cộng	60.065.743.430	125.243.598.693

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	865.705.061	12.319.964.518	5.616.613.515	7.569.056.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.604.940.184	3.441.979.507	2.502.773.921	2.544.145.770
Thuế thu nhập cá nhân	170.130.345	416.024.097	456.829.857	129.324.585
Thuế tài nguyên	138.739.350	771.253.431	547.794.212	362.198.569
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	45.075.380	14.000.000	31.075.380
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.218.650	403.407.577	294.128.107	128.498.120
Cộng	2.798.733.590	17.406.704.510	9.441.139.612	10.764.298.488

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, đơn vị thuộc đối tượng doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.709.606.723	23.146.682.096
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(2.899.407.919)	(1.768.399.152)
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>565.142.081</i>	<i>1.366.600.848</i>
<i>Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)</i>	<i>(3.464.550.000)</i>	<i>(3.135.000.000)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	17.810.198.804	21.378.282.944

Trong đó

Thu nhập tính thuế được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 08 năm 2011

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
--------------------------------------	-----	-----

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	4.452.549.701	5.344.570.736
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 08 năm 2011</i>	(1.010.570.194)	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	3.441.979.507	5.344.570.736
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.441.979.507	5.344.570.736

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	18.081.363.651	4.241.102.533
Chi phí dịch vụ đã phát sinh	-	545.215.644
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	1.418.989.000	979.360.945
Chi phí phải trả khác	31.075.380	97.107.003
Cộng	19.531.428.031	5.862.786.125

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.314.308.475	798.634.218
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.897.706.661	505.632.589
Phải trả các đội tiền khoán công trình	24.775.150.249	17.723.175.484
Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	105.400.282	216.065.325
Cổ tức phải trả các cổ đông	33.551.173	29.201.173
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.239.385.304	1.523.352.060
Cộng	32.388.002.144	23.818.560.849

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			
	Số đầu năm	lập từ	Số cuối năm	
		lợi nhuận	trong năm	
Quỹ khen thưởng	835.769.280		101.700.000	734.069.280
Quỹ phúc lợi	532.853.640	890.105.568	967.375.825	455.583.383
Cộng	1.368.622.920	890.105.568	1.069.075.825	1.189.652.663

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi nhánh Ngân hàng DT&PT Điện Biên</i>	30.916.546.906	39.170.546.906
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	28.342.123.867	35.866.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.	2.574.423.039	3.304.423.039
<i>Chi nhánh Ngân hàng DT&PT Đông Đô</i>	-	89.700.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTDTH ngày 26/08/2009, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.	-	89.700.000
<i>Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung</i>	286.000.000	3.240.049.257
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác và sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”	286.000.000	3.141.159.257
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD ngày 24/04/2010, thời hạn vay 60 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”	-	98.890.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	11.397.738.697	17.210.976.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành	701.600.000	1.129.600.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ngày 09/9/2009, thời hạn vay là 36 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua ô tô phục vụ công tác điều hành thi công	-	76.500.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	10.696.138.697	16.004.876.000
Cộng	42.600.285.603	59.711.272.163

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống (Nợ dài hạn đến hạn trả)	13.416.359.257	19.122.191.800
Trên 1 năm đến 5 năm	42.600.285.603	59.711.272.163
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>56.016.644.860</u>	<u>78.833.463.963</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	39.170.546.906	-	-	8.254.000.000	30.916.546.906
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	89.700.000	-	-	89.700.000	-
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	3.240.049.257	-	-	2.792.159.257	286.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	17.210.976.000	-	4.804.237.303	1.009.000.000	11.397.738.697
Cộng	<u>59.711.272.163</u>	<u>-</u>	<u>4.804.237.303</u>	<u>12.144.859.257</u>	<u>42.600.285.603</u>

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	825.164.354	722.921.428
Số trích lập bổ sung	381.392.055	252.567.617
Số đã chi	(275.541.168)	(120.418.711)
Giảm khác	-	(29.905.980)
Số cuối năm	<u>931.015.241</u>	<u>825.164.354</u>

25. Doanh thu chưa thực hiện

Phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà .

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	30.747.580.408	(128.058.585)	21.349.814.198	1.877.472.470	21.291.439.603	125.138.248.094
Chia cổ tức 2009 bằng cổ phiếu	7.991.410.000	-	-	-	-	-	7.991.410.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	21.977.560.000	(1.000.000)	-	-	-	-	21.976.560.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	17.802.111.360	17.802.111.360
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	-	(21.282.849.603)	(9.355.410.000)
<i>Trích quỹ ĐTP, DPTC</i>	-	-	-	10.863.439.603	1.064.000.000	(11.927.439.603)	-
<i>Trích thưởng Ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	-	-	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
<i>Chia cổ tức năm 2009</i>	-	-	-	-	-	(7.991.410.000)	(7.991.410.000)
Tạm ứng cổ tức 2010	-	-	-	-	-	(4.994.900.000)	(4.994.900.000)
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.267.627.216	17.267.627.216
Trích quỹ ĐTP, DPTC	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(7.113.867.592)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(890.105.568)	(890.105.568)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.795.078.200)	(4.795.078.200)
Số dư cuối năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	170.140.462.902

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Sông Đà)	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.746.580.408	30.746.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	<u>110.587.491.823</u>	<u>110.587.491.823</u>

Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	4.790.728.200	7.991.410.000
Tạm ứng cổ tức		4.994.900.000
Cộng	<u>4.790.728.200</u>	<u>12.986.310.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.100	5.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.991.797	7.991.797

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	535.924.565.990	490.336.165.220
Doanh thu bán điện thương phẩm	16.704.827.698	11.328.377.832
Doanh thu hoạt động xây dựng	436.262.748.631	398.962.931.558
Doanh thu hoạt động khác	82.956.989.661	80.044.855.830
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(18.181.112)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(18.181.112)</i>	-
Doanh thu thuần	<u>535.906.384.878</u>	<u>490.336.165.220</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán điện thương phẩm</i>	<i>16.704.827.698</i>	<i>11.328.377.832</i>
<i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	<i>436.244.567.519</i>	<i>398.962.931.558</i>
<i>Doanh thu thuần hoạt động khác</i>	<i>82.956.989.661</i>	<i>80.044.855.830</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	5.267.776.565	4.737.343.515
Giá vốn của hoạt động xây dựng	412.021.674.752	365.571.396.596
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	50.830.428.598	68.727.438.635
Cộng	<u>468.119.879.915</u>	<u>439.036.178.746</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	290.275.962	362.612.686
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	-	3.626.195.290
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.464.550.000	3.135.000.000
Phí bảo lãnh	1.119.245.205	1.431.278.262
Doanh thu tài chính khác	603.888.058	814.866.325
Cộng	<u>5.477.959.225</u>	<u>9.369.952.563</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.932.720.871	11.400.334.959
Phí bảo lãnh	2.310.098.070	1.431.278.262
Chi phí tài chính khác	24.550.000	-
Cộng	<u>20.267.368.941</u>	<u>12.831.613.221</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	19.995.399.571	16.613.471.346
Chi phí vật liệu quản lý	2.161.694.930	1.653.448.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.001.033.411	256.711.888
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.875.289.910	886.542.630
Thuế, phí và lệ phí	298.957.380	604.903.044
Chi phí dự phòng	118.893.898	470.775.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.100.764.596	2.904.765.310
Chi phí bằng tiền khác	4.745.417.155	5.202.774.523
Cộng	<u>33.297.450.851</u>	<u>28.593.392.155</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	384.292.637	44.565.000
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn	-	2.565.539.679
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	290.592.534
Thu từ cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	710.720.048	1.187.063.320

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán vật tư	-	990.161.428
Thu nhập khác	378.805.583	75.080.297
Cộng	<u>1.473.818.268</u>	<u>5.153.002.258</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	37.714.512	160.647.606
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	339.552.393	66.054.905
Chi phí bán vật tư	-	980.103.638
Chi phí khác	86.589.036	40.997.674
Cộng	<u>463.855.941</u>	<u>1.247.803.823</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 11 bằng giá trị tài sản, công nợ	-	7.200.000.000
Chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu	-	7.991.410.000
Cộng	<u>-</u>	<u>15.191.410.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.233.355.832	1.292.974.064
Phụ cấp	738.000.000	464.000.000
Cộng	1.971.355.832	1.756.974.064

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>		
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả	313.203.534	330.359.929
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến	11.911.796.466	4.058.293.894

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long

Giao dịch mua hàng

Giá trị xây lắp hoàn thành	36.691.201.347	32.549.741.482
Thuế GTGT	3.669.120.134	3.254.974.148
Mua tài sản cố định	-	401.636.364
Thuế GTGT	-	40.163.636

Giao dịch bán hàng

Cung cấp bê tông	-	3.421.615.533
Thuế GTGT	-	342.161.553
Bán vật tư	475.843.753	-
Thuế GTGT	47.584.375	-

Giao dịch khác

Cổ tức được chia	2.340.000.000	3.035.000.000
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	355.529.690	136.830.487
Thu tiền cho vay vốn lưu động	-	300.000.000
Trả lại tiền ký quỹ	-	506.193.759
Tiền phí bảo hiểm công trình	33.651.712	-
Thuế GTGT	3.365.171	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Giao dịch mua hàng		
Giá trị xây lắp hoàn thành	40.260.441.366	35.561.414.163
Thuế GTGT	4.026.044.137	3.556.141.417
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	365.951.739	433.990.448
Giao dịch bán hàng		
Cung cấp vật tư	528.765.420	
Thuế GTGT	52.876.542	
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	30.684.533	
Thuế GTGT	3.068.453	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà		
Tiền cổ tức năm 2008		100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường		
Góp vốn điều lệ		4.750.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà		
Giá trị khối lượng công trình được cung cấp	63.143.210.132	71.680.586.487
Thuế GTGT	6.314.321.013	7.168.058.649
Cho vay vốn lưu động		25.954.486.663
Doanh thu bán điện trong năm	826.795	
Thuế GTGT	82.680	
Giảm trừ doanh thu do quyết toán	(18.181.112)	
Thuế GTGT	(1.818.111)	
Thu hồi vốn vay	6.314.321.013	25.954.486.663
Lãi vay vốn lưu động		718.798.568
Góp vốn bằng tài sản và công nợ		7.200.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Sông Đà		
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	6.823.261.314	6.111.550.235
Phải thu về khối lượng công trình xây dựng	3.760.512.006	5.420.984.561
Phải thu tiền cổ tức	722.749.308	690.565.674
	2.340.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	10.352.940.576	14.489.741.349
	10.352.940.576	14.489.741.349
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	9.562.941.437	16.859.021.692
	9.562.941.437	16.859.021.692
Cộng nợ phải thu	<u>27.700.828.516</u>	<u>37.824.549.053</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Sông Đà	1.903.853	4.058.855.247
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	561.353
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến		4.058.293.894
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	21.823.900.290	22.554.315.399
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	21.823.900.290	22.554.315.399
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	23.338.644.087	24.082.122.060
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	23.338.644.087	24.082.122.060
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	30.697.781.993	26.809.832.277
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	30.697.781.993	26.809.832.277
Cộng nợ phải trả	75.862.230.223	77.505.124.983

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	-	2.300.558.928
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	-	2.300.558.928

4. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực		
	Lĩnh vực Xây lắp	ngoài xây lắp	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	436.244.567.519	99.661.817.359	535.906.384.878
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	436.244.567.519	99.661.817.359	535.906.384.878
Chi phí bộ phận	(439.126.841.729)	(62.290.489.037)	(501.417.330.766)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.882.274.210)	37.371.328.322	34.489.054.112
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.489.054.112
Doanh thu hoạt động tài chính			5.477.959.225
Chi phí tài chính			(20.267.368.941)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực Xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Thu nhập khác			1.473.818.268
Chi phí khác			(463.855.941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.441.979.507)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.267.627.216
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	398.962.931.558	91.373.233.662	490.336.165.220
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	398.962.931.558	91.373.233.662	490.336.165.220
Chi phí bộ phận	(388.836.463.231)	(78.796.557.670)	(467.633.020.901)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.126.468.327	12.576.675.992	22.703.144.319
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.703.144.319
Doanh thu hoạt động tài chính			9.369.952.563
Chi phí tài chính			(12.831.613.221)
Thu nhập khác			5.153.002.258
Chi phí khác			(1.247.803.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.344.570.736)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.802.111.360

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực Xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	359.838.682.417	85.658.596.841	445.497.279.258
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			133.692.111.102
Tổng tài sản			579.189.390.360
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	321.645.420.178	37.079.542.281	358.724.962.459
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			50.323.964.999
Tổng nợ phải trả			409.048.927.458

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.847.814.712	18.774.639.772	21.847.814.712	18.774.639.772
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.652.000.000	21.652.000.000	21.652.000.000	21.652.000.000
Phải thu khách hàng	192.485.439.639	183.798.580.946	192.485.439.639	183.798.580.946
Các khoản phải thu khác	10.673.734.445	1.116.351.174	10.673.734.445	1.116.351.174
Cộng	246.658.988.796	225.341.571.892	246.658.988.796	225.341.571.892
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	100.607.941.220	92.423.403.517	100.607.941.220	92.423.403.517
Phải trả cho người bán	163.799.930.103	143.261.241.284	163.799.930.103	143.261.241.284
Các khoản phải trả khác	72.419.111.554	47.836.867.807	72.419.111.554	47.836.867.807
Cộng	336.826.982.877	283.521.512.608	336.826.982.877	283.521.512.608

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V8). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	29.768.729.731	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Máy móc và thiết bị	34.412.614.957	
Cộng	64.181.344.688	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số đầu năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	31.313.520.391	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với mục đích thực hiện dự án xây dựng
Máy móc và thiết bị	35.620.872.728	Nhà máy Thủy điện Thác Trắng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên
Cộng	66.934.393.119	

7. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	58.007.655.617	42.600.285.603		100.607.941.220
Phải trả cho người bán	163.799.930.103	-		163.799.930.103
Các khoản phải trả khác	71.488.096.313	931.015.241		72.419.111.554
Cộng	292.794.242.033	44.035.800.844		336.826.982.877
Số đầu năm				
Vay và nợ	32.712.131.354	59.711.272.163		92.423.403.517
Phải trả cho người bán	143.261.241.284			143.261.241.284
Các khoản phải trả khác	47.011.703.453	825.164.354		47.836.867.807
Cộng	222.985.076.091	60.536.436.517		283.521.512.608

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Những thông tin khác

Thông tin so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội.

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn